

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2018

**"Dự thảo"**

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Căn cứ chương trình công tác năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình công tác của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018; UBND tỉnh trình Thường trực tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14 về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2018.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Ban Dân tộc xin trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Những căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.
- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020;
- Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14;
- Chương trình công tác năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang;

- Thông báo số 27/TB-UBDT ngày 15/3/2018 của Ủy ban Dân tộc, thông báo kết luận của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tại buổi làm việc với Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang.

## **2. Căn cứ thực tiễn**

Sau 03 năm (2016 - 2018) thực hiện Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14 và các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, đã góp phần cải thiện, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh..., giúp chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội góp phần giảm nghèo, cải thiện đời sống người dân các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất của tỉnh.

Tuy nhiên, qua rà soát 62 thôn/bản ĐBKK có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% có 36 thôn/bản khó khăn nhất (*gồm 10 thôn/bản được đầu tư giai đoạn 2016 - 2018 và 26 thôn/bản ĐBKK mới*); cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại rất khó khăn (*từ thôn/bản ra trung tâm xã 5-10km, cách trung tâm huyện từ 20-30km*), chủ yếu là đường đất, nhỏ hẹp, gồ ghề, trơn trượt, thường xuyên sạt lở và cách trở, đi lại khó khăn trong mùa mưa; trong khu vực còn 85 điểm chưa có ngầm hoặc cầu bắc qua; kết cấu hạ tầng cơ sở về thủy lợi yếu kém, nhiều hạng mục công trình thủy lợi đã xuống cấp, hỏng hóc, hiệu suất sử dụng thấp; diện tích canh tác chưa được tưới tiêu chủ động còn lớn, chiếm 64,94%. Đây là những thôn (bản) có nhu cầu cấp bách xây dựng ngầm dân sinh, đường tránh lũ và nhu cầu xây dựng, sửa chữa hồ, đập trữ nước phục vụ sản xuất.

Để trợ giúp 36 thôn/bản ĐBKK này, ngoài các chương trình, chính sách của TW, sự nỗ lực cố gắng của người dân, rất cần sự quan tâm đầu tư của tỉnh, nhằm trợ giúp các thôn cải thiện, khắc phục những khó khăn, bất cập nhất hiện nay về giao thông và thủy lợi. Do đó, việc đề xuất sửa đổi, bổ sung tiếp tục thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2019-2021 là rất cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nhằm ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào khu vực; xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống; tạo sự chuyển biến mạnh trong công tác giảm nghèo nhanh, bền vững; sớm đưa thôn/bản thoát nghèo, chậm phát triển, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng khác của tỉnh; tăng cường khối đoàn kết các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Việc xây dựng nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với nguồn lực, điều kiện thực tế của địa phương. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính cụ thể nhằm bố trí, huy động, sử dụng các nguồn lực hỗ trợ cho 36 thôn/bản ĐBKK nhất trong giai đoạn 2019 - 2021.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Sửa đổi, bổ sung quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021.

**2. Đối tượng áp dụng:** Thực hiện hỗ trợ đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Mục tiêu**

Nhằm ban chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021.

#### **2. Nội dung chính sách**

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14, quy định chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 – 2018, như sau:

1- Đối tượng hỗ trợ: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

*(Có danh sách kèm theo)*

2- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các công trình giao thông (ngầm, đường tránh lũ, đường tránh sạt lở, trơn trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập, trạm bơm).

3- Kinh phí hỗ trợ: 54 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản (03 năm).

4- Thời gian hỗ trợ: Từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

#### **3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

##### **3.1. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn**

1- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng bằng nguồn ngân sách tỉnh đối với 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh trong giai đoạn 2019 – 2021 (thông qua đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015). Tập trung xây dựng, cải tạo các công trình ngầm phục vụ đi lại trong mùa mưa và các công trình hồ, đập chứa, tạo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi

- Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ trong 03 năm (2019-2021): 54 tỷ đồng;
- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;
- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản (03 năm).

2- Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, chính sách khác, nhằm huy động cao nhất các nguồn lực để tập trung cải tạo, phát triển cơ sở hạ tầng cho các thôn bản

Các nguồn vốn có thể lồng ghép từ các chương trình, chính sách hiện đang triển khai trên vùng dân tộc và miền núi, bao gồm: Chương trình 135, chương trình xây dựng nông thôn mới, Nghị quyết 30a và các nguồn vốn sự nghiệp khác.

3- Tăng cường huy động các nguồn lực của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư địa phương tham gia, trợ giúp 36 thôn/bản cải thiện cơ sở hạ tầng, trợ giúp phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững đối với các hộ dân trên địa bàn.

Các cấp, ngành liên quan và các tổ chức đoàn thể xã hội tăng cường vận động sự giúp đỡ của các đơn vị, doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động sự tham gia (đất đai, vật chất, công lao động) của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

### **3.2. Lý do lựa chọn**

Kết hợp đồng bộ các giải pháp nhằm huy động tối đa các nguồn lực hỗ trợ đối cho các thôn/bản hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

- Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho 36 thôn/bản trong giai đoạn 2019 - 2021 là: 54 tỷ đồng;
- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ ngân sách tỉnh.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

- Thời gian dự kiến trình UBND tỉnh tại kỳ họp tháng 5/2018;
- Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp thứ 5, tháng 7/2018.

Xin gửi kèm theo các tài liệu:

- Dự thảo Đề cương Nghị quyết sửa đổi của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 34/2015/NQ-HĐND.
- Tờ trình của Ban Dân tộc tỉnh, về việc đề nghị UBND tỉnh đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 34/2015/NQ-HĐND.
- Báo cáo của Ban Dân tộc, về kết quả thực hiện Nghị quyết 34/2015/NQ-HĐND trong giai đoạn 2016 - 2018 và đề xuất thực hiện trong giai đoạn 2019 – 2021.
- Báo cáo của Ban Dân tộc về đánh giá tác động chính sách;
- Bảng tổng hợp ý kiến tham gia, đóng góp của các sở, ngành, đơn vị;
- Báo cáo thẩm tra của Sở Tư pháp;
- Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 34/2015/NQ-HĐND và các văn bản liên quan khác...

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14; Ban Dân tộc kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c. Lê Ánh Dương - PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.
- \* Bản điện tử
- Văn phòng UBND tỉnh;
- LĐ, CSĐT;
- Phòng VXKG - VPUBND tỉnh.

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Hồng Luân**

**DANH SÁCH 36 THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT TỈNH  
ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2019-2021**

*(Kèm theo Tờ trình số TTr /BCS ngày /3/2018  
của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)*

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SON ĐỘNG (10 xã - 12 thôn/bản)	1	Xã Dương Hưu	1	Bản Mừng
				2	Thôn Đồng Làng
		2	Xã Cẩm Đàn	3	Thôn Góc Gạo
		3	Xã An Lạc	4	Thôn Biêng
				5	Thôn Thác
		4	Xã Vĩnh Khương	6	Thôn Luông
		5	Xã Tuấn Mậu	7	Thôn Thanh Chung
		6	Xã Bồng Am	8	Thôn Nam Bồng
		7	Xã Hữu Sản	9	Thôn Dân 3
		8	Xã An Bá	10	Thôn Đồng Tàn
II	HUYỆN LỤC NGẠN (09 xã - 12 thôn)	9	Xã Thanh Luận	11	Thôn Gà
		10	Xã Chiên Sơn	12	Thôn Đồng Bang
		11	Xã Sa Lý	13	Thôn Răng Ngoài
		12	Xã Hộ Đáp	14	Thôn Cái Cạn 1
		13	Xã Tân Sơn	15	Thôn Khuân Tỏ
				16	Thôn Khuân kén
		14	Xã Sơn Hải	17	Thôn Đồng Mậm
				18	Thôn Cổ Vải
		15	Xã Phong Vân	19	Thôn Vừa Ngoài
		16	Xã Cẩm Sơn	20	Thôn Chằm Khon
III	HUYỆN LỤC NAM (04 xã - 07 thôn/bản)			21	Thôn Bền
		17	Xã Đèo Gia	22	Thôn Ruồng
		18	Xã Tân Lập	23	Thôn Hòa Trong
		19	Xã Phú Nhuận	24	Thôn Khuôm
		20	Xã Lục Sơn	25	Thôn Đồng Vành 2
		21	Xã Bình Sơn	26	Thôn Suối Mản
IV	HUYỆN YÊN THẾ (05 xã - 05 thôn/bản)			27	Thôn Đá Húc
		22	Xã Trường Sơn	28	Thôn Khe Sâu
				29	Bản Vua Bà
		23	Xã Vô Tranh	30	Thôn Đồng Mận
				31	Thôn Bắc Máng
		24	Xã Tiến Thắng	32	Thôn Đông Cờ
		25	Xã Đồng Hưu	33	Thôn Trại Mới
		26	Xã Canh Nậu	34	Bản Nà Táng
27	Xã Đồng Vương	35	Bản Trại Mía		
28	Xã Đồng Tiên	36	Bản Đồng An		